

**DANH SÁCH PHÊ DUYỆT CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP DẠY LỚP GHÉP, DẠY TĂNG CƯỜNG TIẾNG VIỆT CHO TRẺ EM NGƯỜI DÂN TỘC
THiểu SỐ NĂM HỌC 2024 - 2025**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND, ngày tháng năm 2024)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Đơn vị	Tổng số giáo viên được hưởng chính sách dạy lớp ghép, dạy tăng cường tiếng Việt	Giáo viên dạy lớp ghép (trong tổng số)	Giáo viên dạy tăng cường tiếng Việt (trong tổng số)	Tổng kinh phí (01 tháng)	Kinh phí tăng thêm 01 năm học
1	MN xã Mường Pồn	18	3	15	8,100,000	72,900,000
2	MN số 2 Mường Pồn	7	4	3	3,150,000	28,350,000
3	MN xã Hua Thanh	14	9	5	6,300,000	56,700,000
4	MN xã Pom Lót	2	2		900,000	8,100,000
5	MN xã Thanh An	9	1	8	4,050,000	36,450,000
6	MN xã Núa Ngam	9		9	4,050,000	36,450,000
7	MN xã Hẹ Muông	16	10	6	7,200,000	64,800,000
8	MN số 1 xã Na Tông	7	4	3	3,150,000	28,350,000
9	MN số 2 xã Na Tông	7	4	3	3,150,000	28,350,000
10	MN xã Mường Nhà	6	6		2,700,000	24,300,000
11	MN Pu Lau Mường Nhà	6	6		2,700,000	24,300,000
12	MN xã Phu Luông	12	3	9	5,400,000	48,600,000
13	MN xã Mường Lói	17	10	7	7,650,000	68,850,000
14	MN xã Pa Thom	7	6	1	3,150,000	28,350,000
15	MN xã Na U'	15	10	5	6,750,000	60,750,000
	Tổng cộng	152	78	74	68,400,000	615,600,000